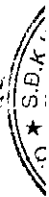


**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009
đến ngày 30 tháng 6 năm 2009**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2009)
Ông Trịnh Văn Tuấn	Ủy viên
Ông Võ Thành Trung	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2009)
Ông Nguyễn Đức Đối	Ủy viên (miễn nhiệm vị trí chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 17 tháng 4 năm 2009)
Bà Đặng Thị Hồng Phương	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2009)

Ban Giám đốc

Ông Võ Thành Trung	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Phong Thu	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

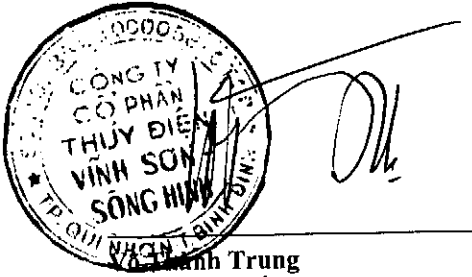
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

20301
ÔNG
NHIỆM H
LOIT
ỆT NA
VA - TP

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

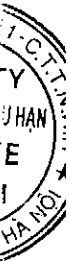
Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Minh Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 7 năm 2009



Số: 439/Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông
Công ty Cổ Phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 của Thuyết minh báo cáo tài chính, đến thời điểm soát xét này Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có một thỏa thuận chính thức về mức giá điện áp dụng cho năm 2009. Hiện tại Công ty đang ghi nhận khoản mục doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện trên cơ sở đơn giá bằng 90% đơn giá cùng kỳ của năm 2008.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 của Thuyết minh báo cáo tài chính, theo hợp đồng cho Tập đoàn Điện lực vay 500 tỷ VNĐ, mức lãi suất là cố định ở mức 17%. Tuy nhiên, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang đề nghị Công ty hạ mức lãi suất xuống mức 8% và áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Hiện tại hai bên vẫn chưa thống nhất được với nhau về mức lãi suất và Công ty đang ghi nhận doanh thu tài chính trên cơ sở mức lãi suất là 17%. Nếu áp dụng mức lãi suất áp dụng là 8% cho khoản vay này từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 thì tổng các khoản phải thu tại 30 tháng 6 năm 2009 và thu nhập tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 sẽ giảm tương ứng với số tiền là 22.315.068.493 VNĐ.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý: Công ty không trình bày số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 do đây là kỳ kế toán đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Thị Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 31 tháng 7 năm 2009
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Nam
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0145KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			30/06/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.114.112.491.777	993.925.785.411
I. Tiền	110	4	128.270.005.460	47.989.060.180
1. Tiền	111		23.270.005.460	4.989.060.180
2. Các khoản tương đương tiền	112		105.000.000.000	43.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		840.685.326.000	825.685.326.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	840.685.326.000	825.685.326.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118.809.543.969	99.349.590.941
1. Phải thu khách hàng	131		58.428.930.937	60.323.574.046
2. Trả trước cho người bán	132		6.684.029.050	2.363.319.258
3. Các khoản phải thu khác	135		53.696.583.982	36.662.697.637
IV. Hàng tồn kho	140	6	26.199.616.348	20.832.364.290
1. Hàng tồn kho	141		31.393.920.957	26.026.668.899
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.194.304.609)	(5.194.304.609)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		148.000.000	69.444.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	25.344.000
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		148.000.000	44.100.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.429.072.924.577	1.489.324.555.639
I. Tài sản cố định	220		1.417.805.640.035	1.478.057.271.097
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.347.021.244.295	1.421.966.826.897
- Nguyên giá	222		2.897.747.888.188	2.897.221.819.557
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.550.726.643.893)	(1.475.254.992.660)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	70.784.395.740	56.090.444.200
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		9.968.708.390	9.968.708.390
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	9	9.968.708.390	9.968.708.390
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.298.576.152	1.298.576.152
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.298.576.152	1.298.576.152
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.543.185.416.354	2.483.250.341.050

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			30/06/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		278.884.552.185	340.832.602.327
I. Nợ ngắn hạn	310		53.896.584.199	115.838.468.947
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	43.726.964.791	104.221.606.286
2. Phải trả người bán	312		2.789.113.345	1.307.578.287
3. Người mua trả tiền trước	313		155.000.000	155.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	6.067.942.907	6.942.257.508
5. Phải trả người lao động	315		3.930.430	2.114.960.684
6. Chi phí phải trả	316		1.094.358.626	956.067.682
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		59.274.100	140.998.500
II. Nợ dài hạn	330		224.987.967.986	224.994.133.380
1. Vay và nợ dài hạn	334	12	224.812.990.512	224.812.990.511
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		174.977.474	181.142.869
B. NGUỒN VỐN	400		2.264.300.864.169	2.142.417.738.723
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410		2.262.920.765.990	2.141.119.982.272
1. Vốn điều lệ	411	13	1.374.942.580.000	1.374.942.580.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		370.660.568.000	370.660.568.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		71.500.000.000	71.500.000.000
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.380.000.000	14.380.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	13	431.437.617.990	309.636.834.272
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.380.098.179	1.297.756.451
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		844.236.100	677.236.047
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		535.862.079	620.520.404
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.543.185.416.354	2.483.250.341.050
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			30/06/2009	31/12/2008
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ			-	163.316.733



Võ Thành Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 7 năm 2009



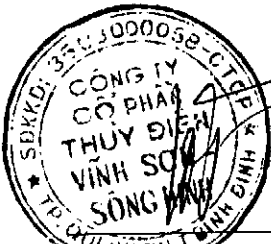
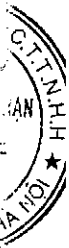
Lê Văn Chương
Người lập

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
1. Doanh thu bán hàng	01	14	269.756.330.026
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng	10		269.756.330.026
4. Giá vốn hàng bán	11	15	90.858.341.330
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		178.897.988.696
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	65.537.467.792
7. Chi phí tài chính	22	16	3.789.703.122
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		3.789.703.122
8. Chi phí bán hàng	24		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.317.361.363
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		236.328.392.003
11. Thu nhập khác	31		47.019.115
12. Chi phí khác	32		-
13. Lợi nhuận khác	40		47.019.115
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		236.375.411.118
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-
16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		236.375.411.118
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	17	1.719



Võ Thuần Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 7 năm 2009

Lê Văn Chương
Người lập

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	236.375.411.118
2. Điều chỉnh cho các khoản:		13.996.375.303
- Khấu hao tài sản cố định	02	75.660.303.547
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(65.453.631.366)
- Chi phí lãi vay	06	3.789.703.122
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	250.371.786.421
- Giảm các khoản phải thu	09	2.866.042.647
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(5.367.252.058)
- Giảm các khoản phải trả	11	(2.842.751.197)
- Giảm chi phí trả trước	12	25.344.000
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4.096.502.885)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.281.450.119)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	236.675.216.809
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(18.831.814.802)
2. Tiền chi cho vay các đơn vị khác	23	(335.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay từ đơn vị khác	24	320.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	47.843.754.741
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	14.011.939.939
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(60.410.805.068)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(109.995.406.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(170.406.211.468)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	80.280.945.280
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	47.989.060.180
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	128.270.005.460

Tiền dùng để mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 2.789.113.345 VNĐ là chi phí xây dựng phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 6.684.029.050 VNĐ là số tiền được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả, phải thu.



Võ Văn Trung
Tổng Giám đốc

Lê Văn Chương
Người lập

Ngày 31 tháng 7 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình ("Nhà máy"). Trước khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 - 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình, Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hoá trong năm 2004. Ngày 2 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình.

Ngày 4 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, bổ sung.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 01/QĐ-TTGDHN. Ngày 28 tháng 6 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng số nhân viên của Công ty Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 152 người (năm 2008: 150 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng (vận hành hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và nhà máy thủy điện Sông Hình). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với Nhà máy Thủy điện Sông Hinh). Các vật tư này được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho từ năm 2007 theo các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 (Số năm sử dụng)
Tài sản	
Nhà xưởng và vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của EVN. Doanh thu bán điện được ghi nhận không phụ thuộc vào việc đã nhận được tiền hay chưa.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ (tiếp theo)

Số dư các công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo quy định tại Nghị định số 164/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 12 năm 2003, Thông tư số 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2003, Nghị định số 108 /2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 9 năm 2006, Công văn số 5248/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 29 tháng 4 năm 2005, Công văn số 11924/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 20 tháng 10 năm 2004, và Công văn số 1591/TCT/DNNN của Tổng Cục thuế ngày 4 tháng 5 năm 2006, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi thành lập. Công ty được miễn thuế trong 6 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm thứ năm kinh doanh có lãi nên Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	175.996.383	265.438.462
Tiền gửi ngân hàng	23.094.009.077	4.723.621.718
Các khoản tương đương tiền (i)	105.000.000.000	43.000.000.000
	<u>128.270.005.460</u>	<u>47.989.060.180</u>

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi kỳ hạn 3 tháng hoặc dưới 3 tháng.

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VNĐ	VNĐ
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (i)	30.685.326.000	30.685.326.000
Đầu tư ngắn hạn khác:	810.000.000.000	795.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	215.000.000.000	250.000.000.000
- Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) vay (ii)	500.000.000.000	500.000.000.000
- Ủy thác đầu tư (iii)	-	150.000.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác (iv)	95.000.000.000	80.000.000.000
	<u>840.685.326.000</u>	<u>825.685.326.000</u>

(i) Năm 2005, Công ty đã đầu tư mua 5 triệu cổ phiếu theo mệnh giá (tương ứng 1,6% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại với tổng giá trị là 51.000.000.000 VNĐ. Năm 2006 và 2007, Công ty đã chuyển nhượng 2.166.670 cổ phiếu và thu về 92.560.000.000 VNĐ lợi nhuận tài chính. Trong năm 2007, Công ty được chia cổ tức bằng cổ phiếu là 178.536 cổ phiếu. Số cổ phiếu Công ty sở hữu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại không thay đổi trong kỳ và đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 3.011.866 cổ phiếu.

(ii) Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay với lãi suất 17%, kỳ hạn 12 tháng tính từ ngày giải ngân.

(iii) Vốn ủy thác đầu tư tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI là 35.000.000.000 VNĐ đã đáo hạn vào ngày 28 tháng 5 năm 2009.

(iv) Các khoản đầu tư ngắn hạn khác, bao gồm:

- Ủy thác cho Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực quản lý 60.000.000.000 VNĐ. Trong đó khoản thứ nhất với giá trị 35.000.000.000 VNĐ kỳ hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 10 tháng 12 năm 2009, lãi suất cố định 10%/năm; khoản thứ hai với giá trị 25.000.000.000 VNĐ, kỳ hạn 6 tháng, đáo hạn vào ngày 3 tháng 8 năm 2009, lãi suất cố định 7,6%/năm.
- Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VIS) từ ngày 28 tháng 1 năm 2008, được gia hạn đến ngày 3 tháng 11 năm 2009, lãi suất góp vốn trước ngày 3 tháng 5 năm 2009 là 17%/năm và từ ngày 3 tháng 5 năm 2009 là 9%/năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	30.564.208.003	25.444.965.443
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	829.712.954	581.583.456
	31.393.920.957	26.026.668.899
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.194.304.609)	(5.194.304.609)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	26.199.616.348	20.832.364.290

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho giá trị vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với Nhà máy Thủy điện Sông Hinh). Các vật tư này được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho từ năm 2007 theo các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.

Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp theo hướng dẫn kế toán đặc thù áp dụng cho ngành điện.

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc '000VNĐ	Máy móc và thiết bị '000VNĐ	Thiết bị văn phòng '000VNĐ	Phương tiện vận tải '000VNĐ	Tổng '000VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2009	2.047.298.356	826.438.563	1.836.984	21.647.916	2.897.221.819
Tăng trong kỳ	-	102.694	-	696.685	799.379
Thanh lý, nhượng bán	-	(30.550)	(242.760)	-	(273.310)
Tại ngày 30/06/2009	2.047.298.356	826.510.707	1.594.224	22.344.601	2.897.747.888
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2009	(842.940.825)	(613.844.242)	(1.344.030)	(17.125.895)	(1.475.254.993)
Khấu hao trong kỳ	(34.062.385)	(40.982.222)	(65.963)	(549.733)	(75.660.303)
Tăng khác	-	-	(31.349)	(53.309)	(84.658)
Thanh lý, nhượng bán	-	30.550	242.760	-	273.310
Tại ngày 30/06/2009	(877.003.210)	(654.795.914)	(1.198.582)	(17.728.937)	(1.550.726.644)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/06/2009	1.170.295.146	171.714.793	395.642	4.615.664	1.347.021.244
Tại ngày 31/12/2008	1.204.357.531	212.594.321	492.954	4.522.021	1.421.966.826

Như trình bày tại Thuyết minh số 12, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006, Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 492.567.109.739 VNĐ (31 tháng 12 năm 2008: 515.063.495.873 VNĐ) để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Phú Yên.

Nguyên giá của nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với tổng giá trị lần lượt là 21.586.384.589 VNĐ (năm 2008 là 21.529.694.095 VNĐ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-ĐN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	56.090.444.200
Tăng	14.693.951.540
Tại ngày 30 tháng 06	70.784.395.740

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm giá trị các công trình sau:

	30/06/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Công trình hồ C Thủy điện Vĩnh Sơn (i)	5.374.696.606	5.374.696.606
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (ii)	54.594.644.240	42.080.661.024
Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2&3 (iii)	9.744.483.637	8.009.606.020
Dự án Thủy điện Đồng Cam (iv)	180.645.860	180.645.860
Dự án nâng cao năng lực hồ chứa Vĩnh Sơn (v)	444.834.690	444.834.690
Sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên dở dang (vi)	445.090.707	-
	70.784.395.740	56.090.444.200

- (i) Theo quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi số 14/QĐ-EVN-HĐQT-TĐ ngày 14 tháng 1 năm 2002 của EVN, “Công trình hồ C Thủy điện Vĩnh Sơn” này được xây dựng trên nhánh sông Đăkdinhdong (thượng nguồn sông Ba) thuộc địa phận xã Đăkroong, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, với tổng mức đầu tư là 217.100.000.000 VNĐ. Nhiệm vụ của công trình là chuyển nước điều tiết từ hồ C trên thượng nguồn sông Ba sang hồ B hiện có của Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn nhằm nâng cao năng lực sản xuất và làm gia tăng sản lượng điện trung bình hàng năm của nhà máy này thêm 78,2 triệu KWh. Công ty đã hạch toán tạm tăng tài sản cố định với giá trị là 128.000.000.000 VNĐ và đưa vào sử dụng điều tiết nước từ hồ B sang hồ C trong năm 2007.
- (ii) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum là công trình trên cùng hệ thống bậc thang thủy điện sông Sê San. Công trình có hồ chứa, tuyến đầu mối nằm trên sông nhánh Đăk Nghé lưu vực sông Sê San, thuộc 2 xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tăng, huyện Kông Plông, tỉnh Kon Tum; nhà máy nằm trên sông Đăk Lò tại xã Đăk Tăng và Ngọc Tem, huyện Kông Plông thuộc lưu vực sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi. Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum đã được phê duyệt cho phép đầu tư theo Công văn số 1774/TTg-CN ngày 1 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính Phủ, trước đây do EVN làm chủ đầu tư và đã chuyển giao lại cho Công ty theo Văn bản số 32 EVN/HĐQT ngày 13 tháng 1 năm 2006 của EVN; Ban Quản lý Thủy điện 4 đại diện cho EVN đã bàn giao lại toàn bộ các hồ sơ pháp lý, kỹ thuật, tài chính liên quan đến công trình theo Công văn số 6421/CV-EVN-KH ngày 29 tháng 11 năm 2006 của EVN và Biên bản bàn giao đề ngày 1 tháng 1 năm 2007. Công ty đã chuyển trả lại EVN toàn bộ số tiền mà EVN đã chi trả trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án này từ năm 2002 đến năm 2006 với số tiền là 19.330.450.930 VNĐ.
- (iii) Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 2&3: UBND tỉnh Bình định đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 7 tháng 11 năm 2007. Công ty đã hoàn thành việc lập dự án đầu tư xây dựng công trình, đã tổ chức thẩm định hồ sơ dự án và đã trình Bộ Công thương xem xét thỏa thuận thiết kế cơ sở của dự án. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Quyết định số 1711/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 8 năm 2008 phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.
- (iv) Dự án thủy điện Đồng Cam: Đây là dự án đang ở bước lập quy hoạch và đăng ký đầu tư theo trình tự xây dựng cơ bản. Hiện nay, địa phương đang xem xét quy hoạch tổng thể về cấp nước các khu kinh tế nam Phú Yên.
- (v) Nâng cấp hồ chứa Vĩnh Sơn: Dự án đang tiến hành các bước khảo sát để lập dự án đầu tư.
- (vi) Sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên dở dang liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Số dư khoản mục đầu tư vào công ty liên kết là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định.

Các thông tin về công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỉ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	49,72%	49,72%	Du lịch khách sạn, lữ hành...

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VNĐ	VNĐ
Vay dài hạn đến hạn trả		
CN Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Yên	7.320.611.336	31.232.323.296
CN Ngân hàng Phát triển Phú Yên	36.406.353.455	72.989.282.990
	<u>43.726.964.791</u>	<u>104.221.606.286</u>

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	4.451.633.775	4.946.495.592
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	-
Thuế tài nguyên	1.616.309.132	1.415.713.755
Các loại thuế khác	-	580.048.161
	<u>6.067.942.907</u>	<u>6.942.257.508</u>

(*): Công ty sử dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức ưu đãi thuế, cụ thể: Từ năm 2005 đến năm 2010 là 0%; từ năm 2011 đến năm 2016 là 5%; từ năm 2017 là 25%. Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, hoạt động tài chính không thuộc hoạt động kinh doanh chính không thuộc đối tượng ưu đãi thuế, thu nhập phát sinh từ hoạt động tài chính phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25%.

12. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/06/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VNĐ	VNĐ
CN Ngân hàng Phát triển Phú Yên (i)	224.812.990.512	224.812.990.511
CN Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Yên (ii)	-	-
	<u>224.812.990.512</u>	<u>224.812.990.511</u>

(i): Khoản vay bằng ngoại tệ (USD) được bán giao từ doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình ("Nhà máy") khi chuyển sang công ty cổ phần.

Ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã ký Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/TDNN với Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Phú Yên, nhận nợ lại các khoản vay để đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Hình, với tổng số tiền nhận nợ là 34.654.946,2 USD, bao gồm các khoản:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- Vay tổ chức SIDA Thủy Điện số tiền là 15.551.457,45 USD, không tính lãi, chịu phí quản lý vốn vay 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả đều trong 5 năm (từ năm 2005 đến năm 2009), mỗi năm hai lần vào ngày 1/6 và 1/12. Mức trả nợ gốc mỗi kỳ là 1.555.145,75 USD. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 1 tháng 6 năm 2005, kỳ trả nợ gốc cuối cùng vào ngày 1 tháng 12 năm 2009. Lãi suất nợ vay quá hạn tính bằng 9%/năm.
- Vay Quỹ Phát triển Bắc Âu (NDF) số tiền là 8.378.301,48 USD, không tính lãi, chịu phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả trong 30 năm (từ năm 2005 đến năm 2035), mỗi năm hai lần vào ngày 1/6 và ngày 1/12. Từ năm 2005 đến năm 2014 mức trả nợ bằng 2% trên tổng số vốn gốc (tức là 83.783,01 USD/kỳ); và bằng 4% trên tổng số vốn gốc (tức là 167.566,02 USD/kỳ) trong những năm còn lại. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên 01 tháng 12 năm 2005, kỳ trả cuối cùng vào ngày tháng 6 năm 2035. Lãi suất nợ vay quá hạn tính bằng 3%/năm.
- Vay Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB) số tiền là 10.725.187,27 USD với lãi suất bằng lãi suất LIBOR cộng mức chênh lệch lãi suất (margin), mức lãi suất cụ thể sẽ do NIB thông báo theo từng thời điểm. Phí quản lý vốn vay là 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả đều trong 10 năm (từ 2005 đến 2015), mỗi năm 2 lần vào ngày 1/6 và ngày 1/12. Mức trả nợ gốc mỗi kỳ là 510.723,21 USD. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 1 tháng 6 năm 2005 và kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 1 tháng 6 năm 2015. Lãi suất nợ vay quá hạn tính bằng 9%/năm.

(ii): Khoản vay này được bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình ("Nhà máy") khi chuyển sang công ty cổ phần. Trước đó, Nhà máy nhận nợ khoản vay này từ Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Hình đồng thời khi nhận bàn giao Nhà máy Thủy điện Sông Hình theo Quyết định số 279/QĐ-EVN-HĐQT ngày 5 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng Quản trị của EVN, về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình Nhà máy thủy điện Sông Hình. Khoản vay được ký kết theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2000/HĐ (số đăng ký tại Ngân hàng 01/0075) ngày 14 tháng 8 năm 2000 giữa Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Yên (bên cho vay) và Ban Quản lý dự án Nhà máy Thủy điện Sông Hình (bên đi vay).

Khoản vay có thời hạn 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất 5,4%/năm (hiệu lực từ ngày 1 tháng 6 năm 2001). Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào tháng 7 năm 2003, nợ gốc được trả hàng quý và thay đổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, hợp đồng thế chấp tài sản chưa được hoàn thành.

Như trình bày tại thuyết minh số 7, Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hình theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006 với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 6 năm 2009 là 492.567.109.739 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 515.063.495.873 VNĐ) để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng này.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	43.726.964.791	104.221.606.285
Trong năm thứ hai	20.185.864.194	20.185.864.194
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	60.557.592.582	60.557.592.582
Sau năm năm	144.069.533.736	144.069.533.736
	<u>268.539.955.303</u>	<u>329.034.596.797</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	43.726.964.791	104.221.606.286
Số phải trả sau 12 tháng	<u>224.812.990.512</u>	<u>224.812.990.511</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn cổ đông

	Vốn điều lệ VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2008	1.374.942.580.000	260.359.799.921
Tăng vốn trong năm	-	-
Lợi nhuận trong năm 2008	-	371.551.684.877
Cổ tức đã trả	-	(247.489.664.400)
Trích lập các quỹ	-	(74.112.600.000)
Chi khác	-	(672.386.126)
Số dư tại ngày 1/1/2009	1.374.942.580.000	309.636.834.272
Lợi nhuận trong kỳ	-	236.375.411.118
Cổ tức đã trả (i)	-	(109.995.406.400)
Trích lập các quỹ (ii)	-	(4.579.221.000)
Số dư tại ngày 30/06/2009	1.374.942.580.000	431.437.617.990

(i): Chia cổ tức đợt hai năm 2008 với tỷ lệ 18% theo Nghị quyết số 292/2009/NQ-VSHPC-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2008 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009.

(ii) Theo các Nghị quyết số 292/2009/NQ-VSHPC-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 và kế hoạch kinh doanh tài chính năm 2009 đã được Hội đồng Quản trị thông qua ngày 16 tháng 4 năm 2009, các quỹ bao gồm Quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, thưởng Ban điều hành được trích lập với số tiền lần lượt là 1.662.880.000 VNĐ, 2.416.341.000 VNĐ, 500.000.000 VNĐ.

Cơ cấu góp vốn

	30/06/2009		31/12/2008	
	%	VNĐ	%	VNĐ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	30,55	420.112.990.000	30,55	420.112.990.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	24,00	329.986.200.000	24,00	329.986.200.000
Cổ đông khác	45,45	624.843.390.000	45,45	624.843.390.000
	100,00	1.374.942.580.000	100,00	1.374.942.580.000

14. DOANH THU

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VNĐ
Doanh thu bán điện (*)	269.309.438.208
Doanh thu dịch vụ khác	446.891.818
	269.756.330.026

(*) : Đến thời điểm soát xét này Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có một thỏa thuận chính thức về mức giá điện áp dụng cho năm 2009. Hiện tại Công ty đang ghi nhận khoản mục doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện trên cơ sở đơn giá bằng 90% đơn giá cùng kỳ của năm 2008. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc ghi nhận doanh thu như vậy là phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
	VNĐ
Giá vốn sản xuất điện	90.490.004.222
Giá vốn hoạt động khác	368.337.108
	<u>90.858.341.330</u>

16. DOANH THU/CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
	VNĐ
Doanh thu tài chính	
Lãi tiền gửi tiết kiệm (*)	62.544.951.366
Cổ tức được chia	2.908.680.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	83.836.426
	<u>65.537.467.792</u>
Chi phí tài chính	
Lãi tiền vay	3.789.703.122
	<u>3.789.703.122</u>
	<u>61.747.764.670</u>

(*): Theo hợp đồng cho Tập đoàn Điện lực vay 500 tỷ, mức lãi suất là cố định ở mức 17%. Tuy nhiên, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang đề nghị Công ty hạ mức lãi suất xuống mức 8% và áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Hiện tại hai bên vẫn chưa thống nhất được với nhau về mức lãi suất và Công ty đang ghi nhận doanh thu tài chính trên cơ sở mức lãi suất là 17%. Chênh lệch của lãi tiền cho vay giữa 2 mức lãi suất là 22.315.068.493 VNĐ, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng khoản doanh thu tài chính này đã ghi nhận là phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

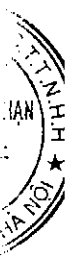
17. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
	VNĐ
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	236.375.411.118
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	137.494.258
Lãi trên cổ phiếu	<u>1.719</u>

18. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Ngày 24 tháng 6 năm 2009, Công ty ký kết Hợp đồng số 498/2009/VSH-ALSTOM với Công ty Alstom Hydro France về việc mua 01 bánh xe công tác (thiết bị đặc chủng) và 04 gáo dự phòng thay thế thiết bị sử dụng trong nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn. Giá trị hợp đồng là 610.000 EUR, tương đương 14.392.028.900 VNĐ. Hàng hóa thiết bị sẽ được bàn giao Công ty sau 16 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Ngày 6 tháng 2 năm 2009, Công ty ký hợp đồng liên doanh số Hợp đồng 89/2009/HĐ-VSHPC-LD với 03 nhà thầu là Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý công trình giao thông vận tải Kon Tum, Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và thương mại Tiến Dung và Công ty Cổ phần công trình giao thông vận tải Quảng Nam về việc thi công đường vào công trình đầu mối từ Km2 + 500 - Km20 thuộc Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum. Giá trị công trình là 44.768.126.000 VNĐ, giá trị hợp đồng đã thực hiện đến 30 tháng 6 năm 2009 là 9.220.978.181 VNĐ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Từ ngày 01/01/2009
đến ngày 30/06/2009
VNĐ

Doanh thu

Bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	269.309.438.208
Lãi cho vay EVN	42.347.222.223
Lãi ủy thác đầu tư tại Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	2.510.833.280

Cổ tức

Trả cổ tức cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	33.609.039.200
Trả cổ tức cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà	26.398.896.000
Cổ tức nhận từ Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	2.908.680.000

Đầu tư

Ủy thác cho Công ty CP Tài chính Điện lực quản lý vốn, lãi suất cố định 7.6%, kỳ hạn 6 tháng	25.000.000.000
--	----------------

Số dư với các bên liên quan:

	<u>30/06/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VNĐ	VNĐ
Phải thu thương mại Tập đoàn Điện lực Việt Nam	49.366.207.638	60.215.025.046
Số dư cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	500.000.000.000	500.000.000.000
Vốn ủy thác cho Công ty CP Tài chính Điện lực quản lý, lãi suất cố định 10%, kỳ hạn 12 tháng	35.000.000.000	35.000.000.000
Vốn ủy thác cho Công ty CP Tài chính Điện lực quản lý, lãi suất cố định 7.6%, kỳ hạn 6 tháng	25.000.000.000	25.000.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

Từ ngày 01/01/2009
đến ngày 30/06/2009
VNĐ

Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	1.746.143.573
--	---------------

20. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008. Không có số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ do đây là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính giữa niên độ.